

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 1654/2025/DS-ST

Ngày: 29-9-2025

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Anh Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Vân;

2. Bà Lê Thị Phương Hồ.

Thư ký phiên tòa: Ông Võ Minh Phú - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 988/2024/TLST-DS ngày 24 tháng 12 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 589/2025/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 515/2025/QĐST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2025, giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (viết tắt là S1); trụ sở chính: Số B - B N, phường X (địa chỉ cũ: phường V, Quận C), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng giám đốc S1.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Vũ Minh Q, chức vụ: Giám đốc Trung tâm S1. (Văn bản ủy quyền số 1439/2024/GUQ-PC ngày 22/5/2024)

Ông Vũ Minh Q ủy quyền lại cho bên thứ ba: Ông Nguyễn Mạnh C, chức vụ: Chuyên viên Thu hồi nợ và Thanh lý tài sản - S1; địa chỉ: Lầu A, Số B N, phường X (địa chỉ cũ: phường V, Quận C), Thành phố Hồ Chí Minh. (Văn bản ủy quyền số 2087/2024/UQ-TT.XLN ngày 06/11/2024) (có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Phạm Duy T, sinh năm: 1996; địa chỉ thường trú: Số B Đường A, Tổ D, ấp T, xã C (tên cũ: xã T, huyện C), Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 07 năm 2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Mạnh C trình bày:

Ngày 26/08/2022, bà Phạm Duy T có ký với S1 Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của S1 - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông T, S1 đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 223.969.099đ (Hai trăm hai mươi ba triệu chín trăm sáu mươi chín nghìn không trăm chín mươi chín đồng). Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông T đã thanh toán cho S1 số tiền 178.534.302đ (Một trăm bảy mươi tám triệu năm trăm ba mươi bốn nghìn ba trăm lẻ hai đồng). (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 21 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của S1). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (theo Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của S1), ngày 10/02/2024 S1 đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (theo Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của S1). S1 đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 57.379.824đ (Ba mươi bốn triệu không trăm bốn mươi tám nghìn năm trăm hai mươi chín đồng) làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Tính đến ngày 29/9/2025, ông Phạm Duy T còn nợ S1 tổng số tiền nợ: 104.186.090đ (Một trăm lẻ bốn triệu một trăm tám mươi sáu nghìn không trăm chín mươi đồng), trong đó: Nợ gốc: 57.379.824 đồng, lãi quá hạn: 46.806.266 đồng với mức lãi suất quá hạn được áp dụng tại thời điểm quá hạn là 0.1383% mỗi ngày (tương đương 2.77% /tháng * 150%). Thời điểm tính lãi quá hạn bắt đầu từ khi S1 chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn cho đến nay.

Mặc dù, S1 đã nhiều lần làm việc trực tiếp với ông T, yêu cầu thanh toán khoản nợ quá hạn, đồng thời S1 cũng đã tạo điều kiện về thời gian trả nợ, tuy nhiên, ông T vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn, điều này được xem là vi phạm các điều khoản đã ký trong hợp đồng. Nay, S1 yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông Phạm Duy T phải trả ngay cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S tổng số tiền tạm tính đến ngày 29/09/2025 là 104.186.090đ (Một trăm lẻ bốn triệu một trăm tám mươi sáu nghìn không trăm chín mươi đồng), trong đó: Nợ gốc là 57.379.824 đồng và lãi quá hạn là 46.806.266 đồng. Ông Phạm Duy T phải có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 30/09/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay, với lãi suất theo quy định trong hợp đồng.

Các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho yêu cầu của mình gồm: Đơn khởi kiện; Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Quyết định số 5252/2023/QĐ-QTNNL ngày 27/12/2023; Tóm tắt sao kê; Thông báo khởi kiện; Căn cước công dân mang tên Nguyễn Mạnh C (bản sao); Giấy ủy quyền số 2087/2024/UQ-TT.XLN ngày 06/11/2024; Giấy ủy quyền số 1439A/2024/GUQ-PC; Giấy ủy quyền số 1439/2024/GUQ-PC; Căn cước công dân mang tên Vũ Minh Q (bản sao); Căn

cước công dân mang tên Nguyễn Văn C1 (bản sao); Giấy ủy quyền số 781/2024/UQ-TT.XLN; Quyết định số 7085/2022/QĐ-NS; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (bản sao); Điều lệ ngân hàng; Giấy Chứng minh nhân dân mang tên Phạm Duy T (bản photo); Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng; Bản tự khai và Đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 26/08/2025; Tóm tắt sao kê ngày 12/09/2025, ngày 27/08/2025, ngày 22/07/2025, ngày 20/6/2025, ngày 26/3/2025, ngày 15/07/2024 và ngày 20/01/2025 (bản chính).

Do người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt và bị đơn vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. *Quan hệ pháp luật và thẩm quyền của Tòa án:*

Theo nội dung Đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng dân sự thuộc loại tranh chấp hợp đồng tín dụng được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu và nơi ở hiện tại ghi trong Giấy cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng tại địa chỉ: Số B Đường A, Tổ D, T, T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã C, Thành phố Hồ Chí Minh) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2]. *Việc tổng đạt, xét xử vắng mặt:*

Nguyên đơn vắng mặt, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Mạnh C có đơn xin vắng mặt được Hội đồng xét xử chấp nhận; bị đơn ông Phạm Duy T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2]. Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc ông Phạm Duy T phải trả ngay cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S tổng số tiền tạm tính đến ngày 29/9/2025 là 104.186.090 (Một trăm lẻ bốn triệu một trăm tám mươi sáu nghìn không trăm chín mươi đồng), trong đó: Nợ gốc: 57.379.824 đồng, lãi quá hạn: 46.806.266 đồng. Ông Phạm Duy T phải có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 30/9/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay, với lãi suất theo quy định trong hợp đồng.

[2.1]. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, sự thừa nhận của các bên, Tòa án thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định:

Ngày 26/8/2022, ông T đã thỏa thuận ký kết với S1 Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của S1). Theo hợp đồng, S1 đã đồng ý cấp thẻ tín dụng

với mục đích tiêu dùng cá nhân, loại thẻ tín dụng quốc tế Visa Classic; số thẻ: 472074-2193; hạn mức sử dụng: 50.000.000 đồng.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 223.969.099 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, ông T đã thanh toán cho S1 số tiền 178.534.302 đồng. Do ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngày 11/02/2024 S1 đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo quy định tại Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của S1.

Tính đến ngày 29/9/2025, ông Phạm Duy T còn nợ S1 tổng số tiền là: 104.186.090đ (Một trăm lẻ bốn triệu một trăm tám mươi sáu nghìn không trăm chín mươi đồng), trong đó: Nợ gốc là 57.379.824 đồng và lãi quá hạn là 46.806.266 đồng.

Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 91, khoản 1 và khoản 4 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo quyết định số 7698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao; Điều 7 và Điều 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, lãi phạt vi phạm, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận; cần buộc ông Phạm Duy T trả cho nguyên đơn số tiền tổng cộng 104.186.090 (Một trăm lẻ bốn triệu một trăm tám mươi sáu nghìn không trăm chín mươi đồng), trong đó: Nợ gốc là 57.379.824 đồng và lãi quá hạn là 46.806.266 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng đã thỏa thuận cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[2.2]. Xét ông Phạm Duy T đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập đương sự đến tham dự phiên tòa xét xử đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông T là có căn cứ theo các tài liệu chứng cứ mà phía nguyên đơn cung cấp theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí theo quy định. Hoàn trả lại cho nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 68; khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các điều 91, 95, 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Căn cứ vào Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được Công bố theo Quyết định số: 7698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao;

- Căn cứ vào Điều 7 và Điều 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, lãi phạt vi phạm;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S đối với bị đơn ông Phạm Duy T.

Buộc ông Phạm Duy T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S tổng số tiền là 104.186.090đ (Một trăm lẻ bốn triệu một trăm tám mươi sáu nghìn không trăm chín mươi đồng), trong đó: Nợ gốc là 57.379.824 đồng và lãi quá hạn là 46.806.266 đồng. Trả một lần số tiền trên ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[2]. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Phạm Duy T phải chịu nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5.209.305đ (Năm triệu hai trăm lẻ chín nghìn ba trăm lẻ năm đồng) đối với yêu cầu của S1 được chấp nhận.

- Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí là 1.743.984đ (Một bảy trăm bốn mươi ba nghìn chín trăm tám mươi bốn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0063230 ngày 20/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Địa điểm thi hành án tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[3]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 -
Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Anh Đạt